

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2018

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Tính

2. Ông Phạm Văn Khuyến

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 106/2018/DS-ST ngày 17-7-2018 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-ST ngày 05-9-2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H-SN: 1988;

Địa chỉ: Thôn PV, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hằng: Ông Nguyễn Đức D -
SN: 1974 (giấy ủy quyền số 00000044, ngày 03-7-2018);

Địa chỉ: Kp XL, phường TX, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước.

2/ Bị đơn: Bà Bùi Thị N- SN: 1965;

Địa chỉ: Thôn PC, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Vũ Ngọc D- SN: 1986;

Địa chỉ: Thôn PV, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

3.2/ Ông Phạm Minh Á- SN: 1964;

Địa chỉ: Thôn PC, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:

Vào năm 2016 (không nhớ rõ ngày, tháng) bà Bùi Thị N vay của bà Đỗ Thị H số tiền 130.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, lãi suất 01%/tháng (lãi suất hai bên thỏa thuận miệng) không ghi vào giấy, hẹn từ 01 đến 02 tháng sẽ thanh toán nợ gốc và lãi, nhưng sau đó bà N không thanh toán nợ cho bà H như đã cam kết; đến ngày 05-8-2017, bà N vay thêm của bà H số tiền 85.000.000 đồng, nên hai bên viết lại giấy vay nợ mới với tổng số tiền 215.000.000 đồng (giấy cũ ghi nợ 130.000.000 đồng bà H đã trả lại cho bà N), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Toàn bộ số tiền này bà N chưa thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho bà H.

Nay, bà Đỗ Thị H yêu cầu tòa án buộc bà Bùi Thị N thanh toán cho vợ chồng bà H số tiền nợ gốc 165.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017, không yêu cầu tính lãi suất.

Số tiền còn lại theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017 với số tiền 50.000.000 đồng do chưa đến thời hạn thanh toán nên bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị N trình bày:

Vào ngày 04-8-2015 bà Bùi Thị N viết giấy vay của bà Đỗ Thị H số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 06 ngàn đồng/ngày/triệu đồng (30.000.000 đồng mỗi ngày phải thanh toán lãi suất 180.000 đồng), khoản vay này nợ gốc chưa thanh toán nhưng lãi suất đã thanh toán đến ngày 04-12-2015;

Đến ngày 04-12-2015 vay thêm của bà H số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số nợ gốc là 60.000.000 đồng, mục đích vay để trang trải sinh hoạt trong gia đình, hai bên vẫn thỏa thuận lãi suất 06 ngàn đồng/ngày/triệu đồng. Từ ngày 04-12-2015 đến ngày 04-4-2016 bà N không thanh toán được khoản nợ gốc và lãi nào nên hai bên chốt lại số nợ cả gốc và lãi là 103.000.000 đồng; từ ngày 04-4-2016 đến ngày 04-9-2016 bà N đã thanh toán nợ lãi cho bà H mỗi tháng 18.000.000 đồng; từ ngày 04-9-2016 đến ngày 04-10-2016 do bà N không thanh toán tiền lãi nên hai bên chốt lại số nợ thành 120.000.000 đồng (bao gồm cả nợ gốc và lãi), tiền lãi của số tiền này hai bên thỏa thuận 21.000.000 đồng/tháng; đến ngày 01-01-2017 hai bên chốt lại số tiền nợ gốc và lãi ghi thành giấy nợ 130.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 04 ngàn đồng/ngày/triệu đồng. Từ ngày 01-01-2017 đến ngày 04-4-2017 bà N có thanh toán tiền lãi cho bà H nhưng thanh toán bao nhiêu bà N không nhớ; ngày 04-4-2017 hai bên chốt lại số tiền nợ thì bà N nợ bà H số tiền 192.400.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 02 ngàn đồng/ngày/triệu đồng; đến ngày 05-8-2017 hai bên chốt lại số tiền nợ cả nợ gốc và lãi thì bà N nợ bà H 215.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà N thanh toán cho bà H mỗi tháng 15.000.000 đồng nợ gốc và mỗi ngày thanh toán

500.000 đồng tiền lãi. Sau đó, số tiền nợ gốc bà N thanh toán cho bà H vào ngày 04 hàng tháng và hàng ngày bà N đưa 500.000 đồng tiền lãi cho bà H hoặc ông D nhận; Đến ngày 04-5-2018, hai gặp nhau tính lại số tiền còn nợ và đã thống nhất bà N còn nợ bà H 38.000.000 đồng thì bà N thanh toán luôn số tiền này cho bà H, nên hiện bà N không còn nợ bà H.

Sau khi bà N thanh toán xong nợ cho bà H và có buồn chuyện gia đình nên bà N bỏ nhà đi chơi mấy ngày thì vợ chồng bà H vẫn cạo mủ cao su cho nhà bà N bình thường. Do bà N đi nên chồng bà N là ông Á nói với con rể ông Á là ông Lưu Hồng C vào nhà bà H hỏi bà H xem bà N còn nợ nần gì bà H nữa hay không thì bà H trả lời với ông C là bà N không còn nợ bà H.

Do bà N đã thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho bà H như trình bày ở trên, nên nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc D trình bày:

Số tiền bà Đỗ Thị H cho bà Bùi Thị N vay là tiền chung của 02 vợ chồng ông D, bà H.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án buộc bà Bùi Thị N thanh toán cho ông Vũ Ngọc D và bà Đỗ Thị H nợ gốc 165.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh Á trình bày:

Bà Bùi Thị N là vợ ông Phạm Minh Á, bà N vay tiền của bà H như thế nào ông hoàn toàn không biết. Đến ngày 27-6-2018, khi ông Á yêu cầu bà N đưa tiền để đi mua xe ô tô thì bà N nói trước đây có vay tiền của vợ chồng bà H, ông D nên đã dùng số tiền của gia đình thanh toán nợ cho vợ chồng ông D hết rồi thì ông Á mới biết việc vay mượn của hai bên, chứ thật sự bà N vay tiền của bà H bao nhiêu, lãi suất, và đã thanh toán cho nhau cụ thể như thế nào thì ông không rõ, chỉ nghe bà N trình bày ông mới biết.

Nay, bà H yêu cầu bà N thanh toán nợ gốc và nợ lãi thì ông Á đề nghị tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H vì theo bà N trình bày thì bà N đã thanh toán hết số tiền nợ cả gốc lẫn lãi theo giấy vay tiền ngày 05-8-2017 cho bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Vào ngày 05-8-2017, bà Bùi Thị N ký xác nhận nợ bà Đỗ Thị H số tiền 215.000.000 đồng. Bà N cho rằng, số tiền nợ trên tính đến ngày 04-5-2018 bà N đã thanh toán đủ cho bà H. Lời trình bày của bà N không được bà H thừa nhận và bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, khẳng định bà N chưa thanh toán số tiền trên cho bà H, tuy nhiên bà H chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền 165.000.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét chỉ chấp nhận trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút phần yêu cầu này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn đối với bị đơn.

Lời trình bày của người làm chứng là không khách quan, thiếu căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự tranh chấp giữa cá nhân với nhau về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn hiện có địa chỉ và cư trú tại Thôn PC, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Bùi Thị N thanh toán cho ông Vũ Ngọc D và bà Đỗ Thị H số tiền đã vay theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017 với số tiền 165.000.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền có chữ ký của bị đơn bà Bùi Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà N cũng thừa nhận chữ ký trong giấy nêu trên là của mình và vào thời gian trên bà N còn nợ của bà H số tiền 215.000.000 đồng là đúng. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm ngày 05-8-2017 bà N còn nợ bà H số tiền 215.000.000 đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đỗ Thị H và ông Vũ Ngọc D đều cho rằng, số tiền bà N nợ bà H trong giấy nhận nợ ngày 05-8-2017 là tài sản chung của ông Vũ Ngọc D và bà Đỗ Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định đây là tài sản chung của ông D và bà H.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên, theo lời trình bày của bị đơn bà N cho rằng, số tiền trên bà N đã thanh toán cho bà H mỗi tháng 15.000.000 đồng nợ gốc và 500.000 đồng nợ lãi từ ngày ghi giấy nhận nợ (ngày 05-8-2017) đến ngày 04-5-2018 thì bà N đã thanh toán đủ số tiền nợ gốc và lãi cho bà H, nên nay bà N không còn nợ bà H. Lời trình bày này của bà N không được bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận. Xét thấy, bà N cho rằng tính

đến ngày 04-5-2018 bà đã thanh đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ; mặt khác, vào ngày 05-9-2018 và tại phiên tòa một lần nữa Tòa án tiến hành cho các bên đương sự đối chất làm rõ nhưng không thể hiện được bà N đã thanh toán nợ cho bà H. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định số tiền bà N vay bà H theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017 với số tiền 215.000.000 đồng bà Nchưa thanh toán cho bà H. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền 165.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất từ ngày vay (05-8-2017) cho đến nay theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn. Xét thấy, việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (tính lãi suất) là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn đối với bị đơn.

[6] Việc bà N vay tiền của bà H để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc ông Phạm Minh Á (chồng bà Bùi Thị N) phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà N trả nợ cho vợ chồng ông Vũ Ngọc D và bà Đỗ Thị H với số tiền 165.000.000 đồng là phù hợp, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Xét lời trình bày bị đơn bà N cho rằng, bà N thanh toán cho bà H mức lãi suất 06 ngàn đồng/ngày/triệu đồng, nhưng không được nguyên đơn bà H thừa nhận và bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét lời trình bày của người làm chứng là ông Lưu Hồng Ch cho rằng, sau khi bà N bỏ nhà đi chơi mấy ngày thì ông C có đến nhà bà H gặp và hỏi bà H với nội dung bà N còn nợ nần gì bà H nữa hay không? thì bà H trả lời, bà N không còn nợ nần gì bà H. Lời trình bày này, không được bà H thừa nhận, mặt khác lời trình bày này không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nên không Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Cần tách số tiền 50.000.000 đồng trong giấy nhận nợ ngày 05-8-2017 giữa bà N với bà H thành một vụ án dân sự khác khi đủ điều kiện và có yêu cầu.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh Á và bà Bùi Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 228 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Buộc ông Phạm Minh Á và bà Bùi Thị N liên đới thanh toán cho bà Đỗ Thị H và ông Vũ Ngọc D số tiền 165.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Tách phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ ngày 05-8-2017 giữa bà N với bà H) thành một vụ kiện dân sự khác, khi đủ điều kiện và có đơn yêu cầu.

3/ Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ gốc 165.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Minh Á và bà Bùi Thị N liên đới phải nộp 8.250.000 đồng (*Tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Vũ Ngọc D và bà Đỗ Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 026540 ngày 17-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- CC THA DS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Dương

